TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số: 146/2019/HNGĐ- ST Ngày: 05/11/2019 *"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng;

2. Bà Trần Thị Thúy Hoa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 576/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Mỹ L, sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ L trình bày có nội dung:**

Bà Hồ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Phước T tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 10/2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Chị L và anh T đã có 02 con chung là Nguyễn Phước Đ - Sinh ngày 30/3/2010 và Nguyễn Bảo V – Sinh ngày 16/3/2012;

Quá trình chung sống thì bà L, ông T thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, nhưng vì tuổi đời còn trẻ, con còn nhỏ nên ông bà cố gắng hòa giải và

chung sống với nhau cho đến nay. Tuy nhiên, đến đầu năm 2019 mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà L đưa hai con chung chuyển ra ngoài sống; bà L, ông T đã sống ly thân từ đó đến nay. Đến nay bà L xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng cho bà và ông Nguyễn Phước T.

Về con chung: Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Phước Đ- Sinh ngày 30/3/2010 và Nguyễn Bảo V- Sinh ngày 16/3/2012 đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên ông T mong muốn được nuôi cháu Đ và cam đoan sẽ chăm sóc, giáo dục tốt cho cháu Đ, cũng như tạo mọi điều kiện tốt để bà được thăm nom, chăm sóc cháu Đ, do đó bà đồng ý để cháu Nguyễn Phước Đ cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L, ông T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông T xác định không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Phước T trình bày có nội dung:**

Ông và bà Hồ Thị Mỹ L tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 10/2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Ông T và bà L đã có 02 con chung là cháu Nguyễn Phước Đ- Sinh ngày 30/3/2010 và Nguyễn Bảo V - Sinh ngày 16/3/2012;

Quá trình chung sống khá yên ổn, tuy nhiên từ năm 2018 khi bà L bắt đầu đi làm thì có biểu hiện có quan hệ với người khác, dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải. Từ khoảng đầu năm 2019, mâu thuẫn xảy ra căng thẳng nên ông T và bà L đã sống ly thân đến nay. Nay ông T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được để tiếp tục chung sống nên ông đồng ý theo đơn khởi kiện của bà L, yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho ông và bà L.

Về con chung: Ông T có nguyện được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Phước Đ - Sinh ngày 30/3/2010 đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Bảo V- Sinh ngày 16/3/2012 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T, bà L tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà L xác định không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L, ông T vẫn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn là ông Nguyễn Phước T, có nơi cư trú tại đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Phước T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do đó, nay bà Hồ Thị Mỹ L có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Nguyễn Phước T là quan hệ vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà Hồ Thị Mỹ L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Bảo V; ông Nguyễn Phước T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Phước Đ đến tuổi trưởng thành; và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do đó cần giao cháu Nguyễn Bảo V cho bà Hồ Thị Mỹ L; giao cháu Nguyễn Phước Đ cho ông Nguyễn Phước T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hồ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Phước T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà L, ông T xác định không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Hồ Thị Mỹ L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ L;

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Hồ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Phước T là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo V - Sinh ngày 16/3/2012 cho bà Hồ Thị Mỹ L; giao con chung là cháu Nguyễn Phước Đ- Sinh ngày 30/3/2010 cho ông Nguyễn Phước T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L, ông T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T, bà L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà L, ông T xác định không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Hồ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Hồ Thị Mỹ L đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002019 ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ L, bị đơn ông Nguyễn Phước T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Thi hành án dân sự TP. BMT
- Các đương sự;
- Lưu HS,
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương